TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 624/2026/HC-PT
Ngày: 27 - 5 - 2026
V/v *Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 360/2025/TLPT-HC ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại* ".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2025/HC-ST ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1137/2026/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị Lệ P, sinh năm 1942 (đã chết ngày 01/12/2025);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Lệ P:

1. Ông Đinh Thành H1, sinh năm 1974 (có mặt);
2. Ông Đinh Thành H2, sinh năm 1976 (vắng mặt);

3. Ông Đinh Thanh H3, sinh năm 1985 (có mặt);

4. Bà Đinh Thị Diệp L, sinh năm 1978 (có mặt);

5. Bà Đinh Thị Diệp L1, sinh năm 1990 (có mặt);

6. Bà Đinh Thị Diệp T, sinh năm 1968 (vắng mặt);

7. Bà Đinh Thị Diệp H4, sinh năm 1980 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Đ, thành phố Đ).

8. Ông Đinh Thành H5, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Đ, thành phố Đ).

9. Ông Đinh Thành P1, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: xã N, thành phố Đà Nẵng.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh B;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân tỉnh B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Võ Đức T1 - Phó Trưởng phòng đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đ (vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân huyện Đ;

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hữu T2 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đào Văn L2 – Phó Trưởng phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị (có mặt) và Ông Phan Sông T3 - Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Đ (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đinh Thành H1, sinh năm 1974 (có mặt);

2. Ông Đinh Thành H2, sinh năm 1976 (vắng mặt);

3. Ông Đinh Thành H5, sinh năm 1982 (có mặt);

4. Ông Đinh Thanh H3, sinh năm 1985 (có mặt).;

5. Bà Đinh Thị Diệp L, sinh năm 1978 (có mặt);

6. Bà Đinh Thị Diệp L1, sinh năm 1990 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ F, ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường Đ, thành phố Đ).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, các đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 19/12/2024 và ngày 12/11/2024, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Vào năm 1991, gia đình bà P nhận sang nhượng từ bà Nguyễn Thị V 01 quyền sử dụng đất có diện tích 436m², phần đất tọa lạc tại: ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Sau khi nhận sang nhượng từ bà V1 gia đình bà P sử dụng ổn định. Đến ngày 21/6/1996, chồng bà P là ông Đinh Viết C có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này, trong đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi diện tích 134m²(thổ cư); Cùng ngày cán bộ địa chính xã T huyện Đ đã ra biên bản do đạc khảo sát hiện trạng đất phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì theo đó diện tích thực tế là 430,68 m². Tọa lạc tại: ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Hiện trạng sử dụng đất: thổ cư. Nguồn gốc Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã phân năm 1981 - Xây dựng vùng kinh tế. Đến ngày 08/10/1996 UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số 211/QSDĐ/Tân Lập cho hộ ông Đinh Viết C với 134m² đất thổ cư.

Đến ngày 24/7/2001, Tổ chuyên viên giải phóng mặt bằng đối với gia đình bà P đã ra biên bản kiểm tra hiện trạng số 41/2001/BBKK đã xác định tổng diện tích đất của gia đình bà P là: 320,8 m².

Năm 2005 UBND huyện Đ gửi cho gia đình bà P một bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số 00179/QSDĐ/559/QĐ-UB với diện tích 29m² thửa đất số 07 tờ bản đồ số 21 cấp ngày 24/12/1998 mà không hề giao bản gốc và việc cấp đất với diện tích 29m² này bà Phòng K đăng ký, chỉ đến khi bà P khiếu nại mới bắt đầu gửi bản photo cho gia đình bà P vì đã cấp sổ mới nên Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đang giữ bản gốc số này. Ngay cả Giấy chứng nhận QSDĐ số 211/QSDĐ/Tân Lập ký ngày 18/10/1996 cũng do Chi nhánh văn phòng đất đai huyện Đ đang giữ.

Sau nhiều lần khiếu nại đến ngày 26/03/2007 UBND huyện Đ tiếp tục cấp cho gia đình bà P Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 202m² thửa đất số 07 tờ bản đồ số 21 trong đó có 166m² nằm trong HLLG là đất bị hạn chế quyền sử dụng đất (có 98m² đất thổ cư chưa được giải toả đền bù. Đã được cấp

giấy chứng nhận QSDĐ số 211/QSDD/Tân Lập ký ngày 18/10/1996 mang tên Đinh Viết C, ông C là chồng bà P).

Như vậy, chỉ trên một thửa đất mà diện tích đất của gia đình bà P nhiều lần thay đổi từ 430,68m² đến 134m² đến 29m² và hiện tại là 202m². Nguyên nhân của việc bất bình thường này đều xuất phát từ việc thu hồi đất để mở rộng và nâng cấp đường ĐT 741.

Việc thu hồi đất diễn ra như sau:

Vào năm 2000, nhà nước có chủ trương mở rộng và nâng cấp đường ĐT 741 dự án được chia làm 02 giai đoạn.

Giai đoạn 1: Do Công ty X và Kinh doanh phát triển nhà B làm chủ đầu tư với diện tích thu hồi đất của gia đình bà P là 146.7 m²

Thời điểm đó ông Đinh Viết C (chồng bà P) đã đứng ra kê khai tài sản trên đất. Theo đó tài sản trên đất kê khai cho tổ đền bù (thể hiện ở Bảng kê khai tài sản) bao gồm:

+ Nhà ở: 76m² (kết cấu gỗ, vách ván, nền xi măng).

+ Công trình phụ gồm:

Nhà ngang: 33 m² (nhà gỗ, mái tole, gạch lán)

Nhà bếp: 24 m² (nhà gỗ, cột gỗ, mái tole, tường gạch).

+ Đất:

- Đất dân cư: 231 m². Có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T.

- Ngoài ra còn có các loại cây trồng trên đất khác.

Đến ngày 24/7/2001, Tổ chuyên viên giải phóng mặt bằng đối với gia đình bà P đã ra biên bản kiểm tra hiện trạng số 41/2001/BBKK đã xác định tổng diện tích đất của gia đình bà P là: 320,8 m². Việc này có xác nhận của Tổ chuyên viên giải phóng mặt bằng, đại diện UBND xã T (có biên bản kèm theo). Việc tháo dỡ nhà nhà cửa tài sản làm gia đình bà P lâm vào cảnh khó khăn, cơ quan nhà nước vẫn chưa giải quyết việc đền bù cho gia đình bà P trong khi nhiều hộ gia đình khác nằm trong diện giải tỏa đã được đền bù. Từ năm 2003 đến nay, gia đình bà P đã nhiều lần làm đơn gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết việc đền bù cho gia đình bà P nhưng vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng. Ngày 31/12/2004, theo công văn số 2850/UB- KKT của Ủy ban nhân dân tỉnh B cho rằng có sự thay đổi về hồ sơ thiết kế nên gia đình bà Phòng K nằm trong diện giải tỏa nhưng nhằm động viên gia đình bà P và các hộ dân khác nên chấp nhận hỗ trợ 30% đơn giá đền bù phần diện tích áp giá trước đây. Trong cùng ngày 31/12/2004 UBND huyện Đ lại gửi công văn số 691/UB trả lời việc trả tiền bồi thường, hỗ trợ di dời do Công ty X - Kinh doanh phát triển nhà tỉnh Bình Phước tiến hành nên yêu cầu gia đình bà P liên hệ với công ty này. Tuy nhiên, đến ngày 27/4/2005 Ủy ban nhân dân tỉnh B lại ban hành quyết định số 814/QĐ-UB về việc

phê duyệt kinh phí hỗ trợ di dời cho 05 hộ dân thuộc công trình nâng cấp, mở rộng đường DT741 đoạn từ ranh giới tỉnh Bình Dương cho đến trường T4 tỉnh Bình Phước. Trong đó, gia đình bà P được hỗ trợ số tiên 10.495.800 đồng tiền di dời nhà. Chấp hành chính sách chủ trương của Đảng, nhà nước bà P thực hiện di dời, gia đình bà P đã tiến hành tháo dỡ các công trình trên đất theo yêu cầu của ban giải tỏa. Nhưng vẫn không được đền bù hay bồi thường gì chỉ nhận được đúng vỏn ven hơn 10 triệu đồng để di dời nên gia đình bà P tiếp tục khiếu nại. Đến ngày 07 tháng 12 năm 2006 UBND tỉnh B gửi thông báo số 352/TB-UBND yêu cầu UBND huyện Đ thực hiện chỉ đạo giải quyết khiếu nại cho gia đình bà P. Đến ngày 26/03/2007 thì UBND huyện Đ ra quyết định thu hồi GCNQSDĐ với diện tích 29m² và cấp lại GCNQSDĐ với diện tích 202m² nhưng lại có đến 166m² đất nằm trong HLLG, 98m² thổ cư từ GCNQSDĐ số 211/QSDĐ/Tân Lập. Vậy tại sao trước đây có 29m² đất thổ cư và lý do gì từ 134m² đất thổ cư còn lại 98m² đất mà lại không bồi thường điều này là quá vô lý. Gia đình bà Phòng K chấp nhận lý do mà UBND đưa ra để không bồi thường, càng không chấp nhận việc diện tích đất thay đổi bất thường nên đã tiếp tục nhiều lần gửi đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhưng vẫn không có phản hồi mãi đến khi thu hồi giai đoạn 2 bắt đầu thì lại gộp giai đoạn 1 vào giai đoạn 2 để giải quyết.

Giai đoạn 2: Do Công ty cổ phần Đ làm chủ đầu tư với diện tích thu hồi của gia đình bà P là 85m².

Ngày 21/4/2022 Ủy ban nhân dân huyện Đ lại tiếp tục ra thông báo thu hồi đất số 693/TB-UBND, theo thông báo này gia đình bà P bị thu hồi đất với diện tích thu hồi là 146,7m², thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ 85, loại đất CLN gia đình bà Phòng K biết diện tích đất thu hồi là CLN có nguồn gốc từ đâu bởi từ thời điểm bắt đầu kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đất gia đình bà P chỉ có đất thổ cư chứ không có giấy tờ văn bản nào thể hiện đất mà gia đình bà P đang sử dụng là đất CLN cả. Thực tế gia đình bà P bị thu hồi từ giai đoạn 1 (146,7m²) đến giai đoạn 2 (85m²) là tổng 231m² mà UBND chỉ thừa nhận thu hồi 146,7 m² ở giai đoạn 1. Như vậy bà P vừa không được bồi thường về đất vừa bị kê khai sai diện tích thu hồi trong khi thực tế hiện tại trên thửa đất vẫn thể hiện rõ phần diện tích đất bị yêu cầu di dời ở giai đoạn 02 là 85m².

Mặt khác ngày 11/12/2020, UBND tỉnh Ban hành Kết luận số 702/KL-UBND về việc kiểm tra, rà soát quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường cho 07 hộ dân, ngụ tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước khi thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 có nêu: cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 248m² (trong đó có 202 m² đất thổ cư; 46,2 m² đất nông nghiệp). Và kết luận 702 cũng nêu rõ đất gia đình bà P 202 m² thổ cư, 46,2 m² đất nông nghiệp thì lấy đâu ra 147,6m² đất nông nghiệp bị giải tỏa, thu hồi và chỉ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Lệ P 70% giá trị nhà, 100% giá trị tài sản khác và cây trồng của biên bản kiểm kê năm 2001 theo quy định: như vậy giá trị tài sản xác định bồi thường về nhà bồi thường 70%, về tài sản khác và cây trồng 100% mà không bồi thường về đất trong khi các hộ dân khác đều được bồi thường

về đất, chỉ riêng gia đình không được hưởng chính sách này. Tại Quyết định số 5458/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định tổng diện tích thu hồi là 774,2m² nhưng chỉ bồi thường 566,7m². Theo bản thông kê đơn giá đền bù tổng số tiền gia đình bà P được đền bù về tài sản là 101.580.640 đồng (một trăm lẻ một triệu năm trăm tám mươi ngàn sáu trăm bốn mươi đồng).

Gia đình bà Phòng K đồng ý với mức đền bù như trên và tiếp tục khiếu nại thì đến ngày 05/9/2022, theo tờ trình số 53/TTR-TTPTQĐ về việc đề nghị thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất thu hồi của 04 hộ gia đình, cá nhân theo kết luận số 702/KL-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh B thì nhận được bảng tổng hợp giá trị bồi thường hỗ trợ về đất và tài sản thu hồi trên đất của 04 hộ dân trong đó có hộ bà Nguyễn Thị Lệ P. Theo đó, tổng số tiền gia đình bà P được hỗ trợ về tài sản là 149.701.735 đồng và không bồi thường về đất.

Ngày 28/2/2023, Ban N ra thông báo số 134/TB/BNCTU nêu ý kiến yêu cầu bà P liên hệ đến UBND huyện Đ giải quyết. Nhưng khi bà P tiếp tục liên hệ đến Ủy ban nhân dân huyện Đ thì Ủy ban nhân dân huyện Đ lại tiếp tục hướng dẫn bà P qua cơ quan khác mà không giải quyết được vấn đề hiện tại cho gia đình bà P. Ngày 28/06/2023 bà P gửi đơn khiếu nại đến UBND huyện Đ yêu cầu giải quyết, ngày 29/9/2023 UBND huyện Đ gửi Quyết định số 3764/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại cho rằng "Qua các lần nâng cấp, mở rộng đường DT 741, tim đường đoạn qua nhà bà Phòng không thay đổi, đến thời điểm hiện tại Nhà nước chỉ giải toả phạm vi 14,5m tính từ tim đường" là không đúng. Hiện tại diện tích đất còn lại chỉ còn lại 85m², trong qua trình giải quyết khiếu nại UBND huyện Đ cũng không đến thực trạng đo đạc xác minh thực tế.

Không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại của UBND huyện Đ ngày 16/10/2023 gia đình bà P tiếp tục khiếu nại lên Ủy ban nhân dân tỉnh B. Ngày 21/12/2023, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành quyết định số 2080/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần 2). Tại quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 cho rằng quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ giải quyết đúng quy định. Bà Phòng K đồng ý với quyết định này nên làm đơn này gửi đến Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Huỷ Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P.

2. Huỷ Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P.

3. Buộc UBND tỉnh B, UBND huyện Đ phải liên đới thực hiện bồi thường về đất, tài sản trên đất và chi phí hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo chuyển

đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với việc thu hồi diện tích 231m² đất của gia đình bà P.

Cụ thể: Đối với đất tính đến thời điểm hiện tại giá trị đất là 10.000.000 đồng/m². Dó đó, tổng giá trị bồi thường về đất là 2.310.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm mười triệu đồng); Bồi thường về tài sản tính theo giá trị tại thời điểm thu hồi, kiểm kê xác định giá trị bồi thường theo Kết luận số 702/KL-UBND tỉnh B 149.701.735 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm lẻ một ngàn bảy trăm ba mươi lăm đồng); Hỗ trợ ổn định đời sống: hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại thời điểm thu hồi gia đình bà P có 10 người đang trong độ tuổi lao động, tại quyết định bồi thường cho UBND hỗ trợ cho các hộ dân trong độ tuổi lao động là 41.000.000 đồng/người, Nên tổng chi phí hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với gia đình bà P là 410.000.000 đồng (Bốn trăm mười triệu đồng).

Vậy tổng số tiền bà P yêu cầu bồi thường về việc thu hồi 231m² đất, tài sản trên đất và hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình bà P từ năm 2001 đến nay là 2.869.701.735 đồng (Hai tỷ tám trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm lẻ một nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng).

4. Buộc UBND huyện Đ và UBND tỉnh B phải bồi thường thiệt hại về tinh thần và công sức, bỏ thời gian công việc ảnh hưởng kinh tế vì thời gian hơn 20 năm không giải quyết quyền lợi khi thu hồi đất cho gia dình bà P với số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Tại các Văn bản số 1152/UBND-NC ngày 18/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh B, UBND tỉnh B (cũ) và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là UBND tỉnh Đ, Chủ tịch UBND tỉnh Đ trình bày:

1. Về nguồn gốc, thời gian sử dụng đất, quá trình thu hồi đất

Năm 1991, gia đình bà Nguyễn Thị Lệ P nhận sang nhượng 01 thửa đất từ hộ bà Nguyễn Thị V, với tổng diện tích là 436m² (15,5m x 29m), nguồn gốc thể hiện trong biên bản kiểm kê hiện trạng có xác nhận của UBND xã T ngày 10/8/2001.

Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT741 được HĐND tỉnh B khóa VI – Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 07/7/2000. Ngày 21/8/2000, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 18/2000/CT-UB về việc triển khai thực hiện dự án. Qua đó, giao Ban Quản lý dự án đường ĐT741 làm chủ đầu tư, chịu trách nhiệm đôn đốc các đơn vị tư vấn, các ngành có liên quan thực hiện việc thiết kế kỹ thuật – tổng dự toán; giao UBND huyện Đ thành lập Ban giải phóng mặt bằng đường ĐT741 (thuộc địa phận Đ quản lý); giao Sở T5 – Vật giá tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh chính sách bồi thường. Ngày 24/9/2001, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2218/QĐ-UB giao chủ đầu tư từ Sở Giao thông – Vận tải và Sở Xây dựng sang Công ty X.

Theo thiết kế ban đầu được phê duyệt tại Quyết định số 2496/QĐ-UBND ngày 03/10/2000 của UBND tỉnh, đoạn qua ấp B, xã T, huyện Đ (khu vực 07 hộ dân, trong đó có hộ ông Đinh Viết C là chồng của bà Nguyễn Thị Lệ P) được phê duyệt nắn tuyến, Ban giải phóng mặt bằng huyện Đ đã thực hiện đo đạc bản đồ giải thửa, kiểm kê, áp giá bồi thường cho các hộ. Tuy nhiên, do vướng mắc một số hộ không giải phóng mặt bằng được nên UBND tỉnh đã điều chỉnh không nắn tuyến tại Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 18/11/2005. Một số hộ dân chấp hành chủ trương, tự tháo dỡ nhà khi điều chỉnh đường từ nắn tuyến sang không nắn tuyến nên các hộ không được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ di dời 30% giá trị nhà bị ảnh hưởng.

2. Việc kiểm kê, áp giá và chi trả bồi thường khi thực hiện dự án mở rộng đường ĐT741 năm 2000

- Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng số 41/2001/BBKK ngày 24/7/2001 của Tổ chuyên viên giải phóng mặt bằng đối với gia đình ông Đinh Viết C:

+ Nhà ở: Nhà sửa xe 9,92m² (3,1m x 3,2m); nhà chính: 54,29m² (6,1m x 8,9m); nhà quán: 35.75m² (5,5m x 6,5m).

+ Cây trồng: dừa kiểng: 12 cây (trồng năm 1998); sơ ri: 01 cây (trồng năm 1996); ổi: 01 cây (trồng năm 1999); bơ: 02 cây (trồng năm 1991); thanh long: 04 cây (trồng năm 1998); rau các loại: 5m².

+ Đất: thửa số 2; 2A; 2B; 2C tờ 05, tổng diện tích 320,8m² (77m² + 87,7m²+ 71,5m²+ 84,6m²).

- Theo Biên bản xác định giá trị đền bù của Tổ kiểm kê áp giá bồi thường của huyện Đ: gia đình ông Đinh Viết C được áp giá đền bù với tổng giá trị là 61.694.672 đồng, trong đó: về đất: 16.680.000 đồng; nhà và các công trình phụ: 34.367.172 đồng; cây cối: 647.500 đồng; trợ cấp: 10.000.000 đồng (hỗ trợ ổn định sản xuất 7.000.000 đồng, trợ cấp di chuyển nhà đúng kế hoạch 3.000.000 đồng).

Sau khi kiểm kê, áp giá gia đình ông Đinh Viết C đã tháo dỡ nhà để bàn giao mặt bằng. Do không giải tỏa được toàn bộ mặt bằng theo tuyến (nắn) được UBND tỉnh phê duyệt, năm 2005 UBND tỉnh điều chỉnh theo tuyến ban đầu nên hồ sơ bồi thường của ông Đinh Viết C không được xem xét. Đến ngày 27/4/2005, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 814/QĐ-UB phê duyệt kinh phí hỗ trợ di dời cho 05 hộ dân thuộc Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường ĐT741, đoạn từ ranh giới tỉnh Bình Dương đến Trường, thuộc địa bàn xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, trong đó có gia đình ông Đinh Viết C được hỗ trợ với số tiền 10.495.800 đồng (hỗ trợ di dời 30% giá trị nhà và công trình phụ), ông Đinh Viết C đã nhận tiền. Ngoài ra không được hỗ trợ nào khác.

3. Việc cấp Giấy CNQSD đất và cấp đổi Giấy CNQSD đất của hộ bà Nguyễn Thị Lệ P

Ngày 18/10/1996, UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất số 211/QSDĐ/Tân Lập, cấp cho ông Đinh Viết C (chồng bà Nguyễn Thị Lệ P), diện tích 134m² đất ở. Hành lang bảo vệ đường bộ là 20m (có Biên bản đo đạc khảo sát hiện trạng đất phục vụ công tác cấp GCNQSDĐ có chữ ký xác nhận của ông C).

Ngày 24/12/1998, hộ ông C được cấp đổi Giấy CNQSD đất số 00179/QSDD/559/QĐ-UB(H), theo số liệu bản đồ đo đạc chính quy năm 1997, thửa đất trên thuộc thửa số 7, Tờ bản đồ số 21, diện tích 29m² đất thổ cư, hành lang bảo vệ đường bộ 30m tính từ tim đường ĐT741 (Quyết định số 25/1998/QĐ-UB ngày 10/3/1998).

Đến ngày 06/4/2006, sau khi ông Đinh Viết C chết, hộ bà Nguyễn Thị Lệ P đăng ký nhận thừa kế từ ông Đinh Viết C thửa đất trên, và được cấp đổi thành Giấy CNQSD số 2517/QSDĐ, diện tích 29m² đất thổ cư, hành lang BVĐB 30m tính từ tim đường ĐT741 (Quyết định số 110/2004/QĐ-UB ngày 22/11/2004

Ngày 26/3/2007, hộ bà Nguyễn Thị Lệ P đăng ký cấp đổi thành Giấy CNQSD đất số 2760/QSDĐ/709/QĐ-UBND, diện tích 202 m² đất thổ cư, thể hiện: Hành lang giải tỏa trắng là 16m tính từ tim đường; hành lang đã cấp Giấy CNQSD năm 1996 là 23m tính từ tim đường; hành lang lộ giới là 30m tính từ tim đường (phần ghi chú: có 166m² nằm trong hành lang lộ giới là đất bị hạn chế quyền sử dụng đất, hành lang bảo vệ đường bộ 30m tính từ tim đường ĐT741 ĐT741 (Quyết định số 110/2004/QĐ-UB ngày 22/11/2004).

4. Kết quả giải quyết của các cấp

Sau khi kiểm kê, áp giá bồi thường Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT741 năm 2000, gia đình bà P có đơn khiếu nại. Đến năm 2005, UBND tỉnh phê duyệt giá trị bồi thường cây trồng và hỗ trợ di dời nhà.

Năm 2018, Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT741 tiếp tục nâng cấp, mở rộng thêm 3,5m đường nhựa gia đình bà P ngăn cản không cho thi công và phát sinh khiếu nại gửi UBND tỉnh.

Ngày 29/7/2019, UBND tỉnh có Công văn số 2165/UBND-TD giao Chủ tịch UBND huyện Đ giải quyết đơn của các hộ dân T, trong đó có bà Nguyễn Thị Lệ P. Ngày 22/8/2019, UBND huyện Đ ban hành Công văn số 1886/UBD-TCD trả lời đơn của bà Nguyễn Thị Lệ P. Không đồng ý kết quả trả lời của Chủ tịch UBND huyện Đ, bà P tiếp tục gửi đơn đến UBND tỉnh. Ngày 30/10/2019, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Công văn số 3189/UBND-TD giao Chủ tịch UBND huyện Đ xem xét giải quyết khiếu nại lần đầu đối với các hộ dân. Ngày 22/4/2020, UBND huyện Đ ban hành Công văn số 944/UBND-TCD trả lời đơn bà Nguyễn Thị Lệ P. Không đồng ý, bà P tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh. Ngày 09/9/2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2229/QĐ-UBND về việc thành lập Đoàn kiểm tra. Ngày 11/12/2020, UBND tỉnh ban hành Kết luận số 702/KL-UBND về việc kiểm tra, rà soát quá trình cấp, cấp đổi Giấy CNQSD đất và bồi thường cho

07 hộ dân, ngụ tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước khi thực hiện dự án mở rộng đường ĐT 741, trong đó có nêu: "Cấp đổi Giấy CNQSDĐ với diện tích 248,2m² (có 202m² đất thổ cư, 46,2m² là đất nông nghiệp). Hiện bà P đang sử dụng nằm ngoài phạm vị giải tỏa 14,5m tính từ tim đường. Công nhận nội dung khiêu nại yêu cầu bồi thường cho bà Nguyễn Thị Lệ P 70% giá trị nhà, 100% giá trị tài sản khác và cây trồng của biên bản kiểm kê năm 2001 theo quy định".

Ngày 13/10/2022, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5458/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân theo Kết luận số 702/KL-UBND của UBND tỉnh, thuộc xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Theo đó, bà Nguyễn Thị Lệ P bị thu hồi 146,7m² và được hỗ trợ tổng số tiền là 149.701.735 đồng (trong đó: bồi thường về nhà, vật kiến trúc là 144.733.735đ, bồi thường cây trồng là 4.986.000 đồng), nhưng không bồi thường về đất.

5. Kết quả đối thoại

Ngày 06/12/2023, Thanh tra tỉnh phối hợp với UBND huyện Đ tổ chức đối thoại với bà Nguyễn Thị Lệ P (ủy quyền cho ông Đinh Thành H1) theo nội dung khiếu nại của bà. Qua đối thoại, ông H1 không thống nhất với kết quả xác minh của Thanh tra tỉnh. Các cơ quan thuộc UBND huyện Đ thống nhất với kết quả xác minh của Tổ xác minh Thanh tra tỉnh.

6. Nhận xét, kết luận

Việc bà P yêu cầu bồi thường về đất để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT741 theo giá thị trường là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Vì: Căn cứ Điều 6 Quyết định số 51/QĐ-UB ngày 11/02/1991 của UBND tỉnh S về việc ban hành quy định bảo vệ đường bộ, trong đó quy định hành lang an toàn bảo vệ đường ĐT741 là 15m tính từ tim đường (10m tính từ mép đường, phạm vì giải tỏa là 5m). Hộ ông Đinh Viết C (chồng bà P) nhận chuyển nhượng thửa đất của bà Nguyễn Thị V tháng 10/1991, với tổng diện tích là 436m² bằng giấy tay (nguồn gốc thể hiện trong biên bản kiểm kê hiện trạng có xác nhận của UBND xã T ngày 10/8/2001) là sau thời điểm quy định hành lang bảo vệ đường bộ đối với đường ĐT741 (15m tính từ tim đường). Qua các lần nâng cấp, mở rộng đường ĐT741 tim đường đoạn qua nhà bà Phòng K thay đổi. Đến thời điểm hiện tại nhà nước chỉ giải tỏa phạm vi 14,5m tính từ tim đường nên thửa đất của bà P chưa bị ảnh hưởng.

Hơn nữa, tại Kết luận số 702/KL-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh có nêu: Ngày 18/10/1996, UBND huyện Đ, tỉnh Sông Bé (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Viết C (chồng bà P), diện tích được cấp là 134m², thể hiện hành lang lộ giới 20m tính từ tim đường. Ngày 26/3/2007 bà Nguyễn Thị Lệ P được UBND huyện Đ cấp đổi thành Giấy CNQSD đất diện tích 202m² đất ở (166m² đất hành lang bảo vệ đường bộ), đã khôi phục diện tích nhà

là diện tích đất ở theo hướng dẫn tại Công văn số 263/STNMT-ĐKĐĐ ngày 06/7/2006 của Sở T6 về việc thống nhất thể hiện hành lang lộ giới.

7. Về tính hợp pháp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn, thời hiệu ban hành

7.1. Về quyết định hành chính có liên quan: Đối với Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P (lần đầu) là đúng quy định.

7.2. Tính hợp pháp của Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 21/12/2023

Về hình thức: Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P, địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (lần 2), được ban hành theo đúng hình thức quy định tại Điều 40 Luật Khiếu nại 2011 và đúng biểu mẫu quy định kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

+ Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B được ban hành để giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P đối với Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B theo quy định tại Điều 21 Luật Khiếu nại.

+ Trình tự, thủ tục ban hành: Sau khi nhận được Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P (lần đầu). Không đồng ý với quyết định nêu trên ngày 16/10/2023 bà P làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Ngày 20/10/2023, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1675/QĐ-UBND về việc thụ lý và giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P. Qua quá trình thẩm tra, xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ, làm việc, đối thoại với các cơ quan, tổ chức đơn vị, cá nhân có liên quan, ngày 12/12/2023 Thanh tra tỉnh Bình Phước đã có Báo cáo số 315/BC-T.Tr về kết quả xác minh đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P. Trên cơ sở báo cáo kết quả xác minh cũng như các văn bản pháp luật có liên quan, ngày 21/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B đã ban hành Quyết định số 2080/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều 7, 36, 38, 39, 40, 41 của Luật Khiếu nại.

7.3. Thời hạn, thời hiệu ban hành

Thời hạn ban hành: Sau khi nhận được đơn khiếu nại ngày 16/10/2023 của bà Nguyễn Thị Lệ P. Ngày 20/10/2023, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1675/QĐ-UBND về việc thụ lý và giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P. Ngày 12/12/2023 Thanh tra tỉnh Bình Phước đã có

Báo cáo số 315/BC-T.Tr về kết quả xác minh đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P. Ngày 21/12/2023, Chủ tịch UBND tỉnh B đã ban hành Quyết định số 2080/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P (lần 2) là đảm bảo thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại.

Thời hiệu ban hành: Ngày 16/10/2023, bà Nguyễn Thị Lệ P làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B là còn trong thời hiệu khiếu nại theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại. Do đó, việc thụ lý và giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với bà Nguyễn Thị Lệ P là đúng quy định pháp luật.

Tại Văn bản số 2173/UBND-NC ngày 02/6/2025 và quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND huyện Đ (cũ) và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là UBND xã Đ, Chủ tịch UBND xã Đ trình bày:

1. Về yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện (Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 29/9/2023) là không có cơ sở; lý do:

- Về thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị Lệ P là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

- Về trình tự, thủ tục ban hành: Sau khi nhận đơn khiếu nại ngày 28/6/2023 của bà Nguyễn Thị Lệ P, ngày 11/7/2023, UBND huyện ban hành: Thông báo số 1235/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 2412/QĐ-UBND về giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại (gia hạn thời gian xác minh khiếu nại tại Quyết định số 3133/QĐ-UBND ngày 22/7/2023); ngày 22/9/2023, Thanh tra huyện có Báo cáo số 61/BC-TTr về kết quả xác minh đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị lệ P (ủy quyền cho ông Đinh Thành H1), địa chỉ ấp B, xã T, huyện Đ; ngày 29/9/2023, Chủ tịch UBND huyện ký ban hành Quyết định số 3764/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu của bà P. Như vậy, việc thụ lý đơn và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Đ là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 7, 27, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011 và Chương IV Nghị định số 124/2020/NĐ- CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

- Về nội dung: Bà Phòng khiếu nại yêu cầu Chủ tịch UBND huyện giải quyết bồi thường về đất bị thu hồi để thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.741 theo giá thị trường. Qua kết quả xác minh của Thanh tra huyện, xác định: Về nguồn gốc phần diện tích bà P yêu cầu giải quyết khiếu nại: Tháng 10/1991, gia đình bà P nhận sang nhượng từ bà Nguyễn Thị V 01 thửa đất; thời điểm này, hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ là 15m tính từ tim đường, bà P xây dựng nhà nằm ngoài phạm vi 15m tính từ tim. Ngày 18/10/1996, UBND huyện cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho ông Đinh Viết C (chồng bà Lệ P), diện tích:

134m², thể hiện hành lanh lộ giới 20m tính từ tim; ngày 26/3/2007, bà P được UBND huyện cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất, diện tích 202m² đất ở. Qua các lần nâng cấp, mở rộng đường ĐT.741, tim đường đoạn qua nhà bà Phòng K thay đổi; đến thời điểm hiện tại, Nhà nước chỉ giải tỏa phạm vi 14,5m tính từ tim đường nên thửa đất của bà P theo Giấy chứng nhận đã được cấp chưa bị ảnh hưởng; từ những căn cứ nêu trên, Chủ tịch UBND huyện đã bác nội dung đơn khiếu nại của bà P về việc yêu cầu bồi thường về đất là có căn cứ.

2. Về yêu cầu buộc UBND tỉnh B và UBND huyện Đ liên đới thực hiện bồi thường về đất là 2.310.000.000 đồng, tài sản trên đất là 149.701.735 đồng, chi phí hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 410.000.000 đồng; tổng cộng: 2.869.701.735 đồng là không có căn cứ; cụ thể:

2.1. Về diện tích đất thực hiện thi công làm đường ĐT.741 qua các thời kỳ, nay bà P yêu cầu bồi thường về đất và diện tích bà P đang sử dụng cho đến thời điểm hiện nay:

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất: Ngày 21/6/1996, ông Đinh Viết C (chồng của bà P) có đơn xin cấp Giấy chứng nhận QSD đất, diện tích: 134m²; ngày 18/10/1996, hộ ông Đinh Viết C được UBND huyện Đ, tỉnh Sông Bé (cũ) cấp GCN số 211/QSDĐ/Tân Lập (cấp theo dạng đo vẽ độc lập, không có số tờ, số thửa): Diện tích cấp GCN là 134 m², mục đích sử dụng: Đất thổ cư, hành lang bảo vệ đường bộ thể hiện 20m từ mép đường ĐT.741. Ngày 24/12/1998, hộ ông Đinh Viết C được UBND huyện Đ cấp đổi GCN số 00179/QSDD/559/QĐ-UB (H): Thửa số 7 Tờ bản đồ số 21, diện tích cấp GCN là 29m², mục đích sử dụng: Đất ở, hành lang bảo vệ đường bộ thể hiện 30m từ tim đường ĐT.741. Ngày 06/4/2006, hộ bà P được UBND huyện Đ, tỉnh Bình Phước cấp GCN số (H) 2517/QSDĐ/742/QĐ-UBND: Thửa số 7 Tờ bản đồ số 21, diện tích cấp GCN là 29m², mục đích sử dụng: Đất ở, hành lang bảo vệ đường bộ thể hiện 30m từ tim đường ĐT.741. Ngày 26/3/2007, hộ bà Nguyễn Thị Lệ P được UBND huyện Đ, tỉnh Bình Phước cấp GCN số (H) 2760/QSDD/709/QĐ-UBND: Thửa số 7 Tờ bản đồ số 21, diện tích cấp GCN là: 202m², mục đích sử dụng: Đất ở; hành lang bảo vệ đường bộ theo Quyết định số 110/QĐUB ngày 22/11/2004 của UBND tỉnh thể hiện trên Giấy chứng nhận QSD đất đã cấp năm 2007: Giải tỏa trắng 16m (tính từ tim đường ĐT.741), hành lang lộ giới đã cấp giấy năm 1996: 23m (tính từ tim đường ĐT.741), hành lang lộ giới (tính từ tim đường ĐT.741): 30m.

- Ngày 11/12/2020, UBND tỉnh ban hành Kết luận số 702/KL-UBND về kết quả kiểm tra, rà soát quá trình cấp, cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất và bồi thường, hỗ trợ cho 07 hộ dân ngụ tại ấp B, xã T, huyện Đ khi thực hiện dự án mở rộng đường ĐT.741; trong đó có trường hợp của hộ bà P; theo kết quả kiểm tra của Thanh tra tỉnh được UBND tỉnh kết luận tại Kết luận số 702/KL-UBND:

+ Về nguồn gốc đất và hiện trạng sử dụng đất: Bà P nhận chuyển nhượng 01 thửa đất của bà Nguyễn Thị V từ năm 1991; thời điểm này, hành lang bảo vệ đường bộ là 15m tính từ tim đường, bà P xây nhà nằm ngoài phạm vi 15m; năm

1996, UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận QSD đất theo đơn đề nghị của ông Đinh Viết C (diện tích 134m², hành lanh bảo vệ lộ giới 20m tính từ tim đường); đến năm 2007 cấp đổi lần 3 (đứng tên bà Nguyễn Thị Lệ P, diện tích được công nhận 202m² (trong đó có 166m² đất hành lang bảo vệ đường bộ). Kết quả đo đạc hiện trạng thực tế sử dụng đất (tại thời điểm năm 2020): Tổng diện tích 260,5m² (202m² đất ở và 58,5m² đất nông nghiệp), có 230,7m² đất hành lang bảo vệ đường bộ 30m tính từ tim đường (trong đó có 12,3m² đất thuộc phạm vi giải tỏa 14,5m tính từ tim đường); diện tích bà P đủ điều kiện để cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất (ngoài phạm vi 14,5m tính từ tim đường) là 248,2m² (có 202m² đất ở và 46,2m² đất nông nghiệp), phần diện tích đất ở được công nhận trên cơ sở theo diện tích đã xây dựng nhà năm 1991 cho bà P.

+ Về hồ sơ thu hồi đất và chi trả bồi thường thời điểm năm 2001-2005: Ngày 24/7/2001, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ lập biên bản kiểm kê hiện trạng (Biên bản số 41/2001/BBKK), nội dung biên bản thể hiện: Tên người có tài sản: Đinh Viết C; sơ đồ thể hiện phạm vi diện tích đất 10m từ tim đường không có công trình xây dựng; phạm vi đất từ 10m đến 15m tính từ tim đường có nhà sửa xe (3,2m x 3,1m); phạm vi đất từ 15m đến 25m có nhà quán, nhà ở. Ngày 17/4/2005, UBND huyện ban hành Quyết định số 814/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho 05 hộ dân thuộc công trình: Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.741, đoạn từ ranh giới tỉnh Bình Dương đến Trường thuộc địa bàn xã T; trong đó, gia đình ông Đinh Viết C được hỗ trợ với số tiền 10.495.800 đồng (hỗ trợ di dời 30% giá trị nhà và công trình phụ), ông Đinh Viết C đã ký nhận tiền hỗ trợ; tại Kết luận số 702/KL-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh: Công nhận yêu cầu bồi thường cho bà P thêm 70% giá trị nhà, 100% giá trị tái sản khác và cây trồng theo Biên bản kiểm kê năm 2001 theo quy định.

Hồ sơ bồi thường, hỗ trợ sau khi có Kết luận số 702/KL-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh:

+ Ngày 13/10/2022, UBND huyện ban hành Quyết định số 5458/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân theo Kết luận số 702/KL-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh, thuộc xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; số tiền hộ bà Nguyễn Thị Lê P2 được phê duyệt là 149.701.735 đồng (bồi thường giá trị công trình theo Kết luận số 702/KL- UBND của UBND tỉnh: Giá trị bồi thường nhà, công trình tính 70% theo Biên bản kiểm kê năm 2001 là: 108.181.360 đồng; giá trị bồi thường tài sản khác tỉnh 100% là: 1.300.000 đồng; giá trị bồi thường cây trồng: 4.968.000 đồng và phần giá trị xác định theo Biên bản kiểm kê ngày 11/5/2022 là: 35.252.375 đồng); đồng thời, ban hành Quyết định số 5457/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Lệ P để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.741 đoạn B - Đ.

Bà Phòng K đồng ý với giá trị bồi thường đã phê duyệt, có đơn khiếu nại gửi UBND huyện, được thụ lý và giải quyết tại Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 29/9/2023; không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu, bà P tiếp

tục có đơn khiếu nại lần 2 được Chủ tịch UBND tỉnh thụ lý và giải quyết tại Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 21/12/2023, với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P về yêu cầu bồi thường về đất, lý do: Không có căn cứ được nêu tại phần Kết luận Quyết định số 2080/QĐ-UBND; đồng thời, giao UBND huyện rà soát Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để điều chỉnh cho phù hợp với quy định, tránh gây hiểu lầm.

Thực hiện Quyết định số 2080/QĐ-UBND của UBND tỉnh, UBND huyện đã ban hành: (1) Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 hủy bỏ Quyết định số 5457/QĐ-UBND ngày 13/10/2022, lý do: Phần diện tích bị giải tỏa thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT.741 đoạn Bàu Trư – Đ, đoạn qua nhà bà Nguyễn Thị Lệ P chưa bị ảnh hưởng đến diện tích đất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất theo Kết luận số 702/KL-UBND của UBND tỉnh; (2) Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 điều chỉnh Quyết định số 5458/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Như vậy, diện tích bà P hiện nay đang sử dụng: 260,5m²; trong đó: Diện tích đủ điều kiện để cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất (ngoài phạm vi 14,5m tính từ tìm đường) là 248,2m² (có 202m² đất ở và 46,2m² đất nông nghiệp); diện tích đất nằm trong phạm vi giải tỏa 14,5m chưa bàn giao mặt bằng: 12,3m² (phần diện tích này ngoài giấy chứng nhận đã được cấp đổi năm 2007); do đó, việc bà P yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh tuyên UBND huyện bồi thường về đất là không có căn cứ; đối với các khoản hỗ trợ về công trình bị giải tỏa trước đây (thời điểm năm 2001- 2005): Năm 2001 được hỗ trợ 30% giá trị (số tiền: 10.495.800 đồng, ông Đinh Viết C đã nhận tiền), đến năm 2022, UBND huyện đã xác định hỗ trợ theo Kết luận số 702/KL-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh, với số tiền 149.701.735 đồng, Trung tâm PTQĐ (đơn vị làm nhiệm vụ bồi thường) đã nhiều lần thông báo chi trả bồi thường nhưng bà P chưa nhận số tiền này.

2.2. Về nội dung yêu cầu hỗ trợ các khoản như: Ổn định đời sống, đào tạo chuyển đổi nghề với số tiền 410.000.000 đồng là không có căn cứ.

Lý do: Phần diện tích đất giải tỏa thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT.741 đoạn Bàu Trư -- Đ thời điểm năm 2001 và thời điểm năm 2022 đều nằm trong phạm vi hành lang lộ giới giao thông 14,5m tính từ tim đường, không nằm trong Giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho bà P; do đó, không thuộc đối tượng, điều kiện để xem xét hỗ trợ ổn định đời sống, đào tạo chuyển đổi nghề theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 19, 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 19, 20 Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 (được sửa đổi tại khoản 14, 15 Điều 1 Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 07/12/2020) của UBND tỉnh.

3. Về nội dung yêu cầu buộc UBND tỉnh B và UBND huyện Đ bồi thường thiệt hại về tinh thần, công sức, thời gian khiếu nại, khởi kiện: 500.000.000 đồng là không có cơ sở;

Lý do: Sau khi có Kết luận số 702/KL-UBND của UBND tỉnh, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về giá trị tài sản đã di dời năm 2001 chưa hỗ trợ hết; theo đó: Giá trị bồi thường, hỗ trợ đã được xác định: 149.701.735 đồng; tuy nhiên, bà Phòng K đồng ý nhận tiền bồi thường, tiếp tục có đơn khiếu nại, khởi kiện. Như vậy các cơ quan nhà nước cấp huyện đã thực hiện đúng theo chỉ đạo của UBND tỉnh; không có căn cứ xác định phát sinh trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 584 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Từ kết quả xác minh giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Đ; kết quả xác minh, giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh và căn cứ Kết luận số 702/KL-UBND của UBND tỉnh, kết quả rà soát hồ sơ liên quan; UBND huyện Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ P.

Tại các bản tự khai đề ngày 10/3/2025,những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là các con của bà P (ông Đinh Thanh H6, ông Đinh Thanh H7, ông Đinh Thanh H8, ông Đinh Thanh H3, bà Đinh Thị Diệp L, bà Đinh Thị Diệp L1) thống nhất trình bày:

Ông Đinh Thanh H6, ông Đinh Thanh H7, ông Đinh Thanh H8, ông Đinh Thanh H3, bà Đinh Thị Diệp L, bà Đinh Thị Diệp L1 là các con của bà Nguyễn Thị Lệ P và hiện đang sinh sống ổn định trên thửa đất số 01, tờ bản đồ số 85 toạ lạc tại Tổ F, ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Trong vụ việc khiếu kiện này, các ông bà đều đồng ý với toàn bộ nội dung khiếu kiện của bà Nguyễn Thị Lệ P đối với UBND tỉnh B, Chủ tịch UBND tỉnh B, UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND huyện Đ và đề nghị Toà án căn cứ giải quyết các yêu cầu đã nêu trong đơn khiếu kiện của bà Nguyễn Thị Lệ P theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2025/HC-ST ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ P, cụ thể:

- Hủy Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B (cũ) về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P (Lần hai).

- Hủy Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ (cũ) về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P (Lần đầu).

- Buộc UBND tỉnh B (cũ) và UBND huyện Đ (cũ) và liên đới thực hiện bồi thường về đất là 2.310.000.000 đồng, tài sản trên đất là 149.701.735 đồng, chi phí hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 410.000.000 đồng, tổng cộng là: 2.869.701.735 đồng.

- Buộc UBND tỉnh B (cũ) và UBND huyện Đ (cũ) phải bồi thường thiệt hại về tinh thần, công sức, thời gian khiếu nại, khởi kiện là 500.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/8/2025, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

Ngày 01/12/2025, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ P chết.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện, do ông Đinh Thành H1 đại diện trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ P, với các lý do:

Bản án sơ thẩm nhận định người khởi kiện từ chối nhận tiền hỗ trợ nên UBND không còn trách nhiệm chi trả là hoàn toàn sai thực tế. Bởi lẽ, tại Biên bản họp ngày 21/05/2021 chứng minh người khởi kiện đã ký đồng ý với phương án bồi thường tài sản, chỉ đề nghị xem xét thêm về đất. Việc UBND cố tình không chi trả, kéo dài từ năm 2001 đến năm 2022, hơn 20 năm, mới ra Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 5458/QĐ-UBND là vi phạm nguyên tắc bồi thường kịp thời và đúng quy định được quy định xuyên suốt từ Luật Đất đai 1993 đến Luật Đất đai 2013. Mặt khác, diện tích đất sử dụng của gia đình bà P bị giảm sút bất thường qua các giai đoạn (từ 436m^2 xuống còn 202m^2) do UBND tự ý cắt giảm khi thay đổi hành lang lộ giới mà không đo đạc thực tế hay ra quyết định thu hồi. Dù UBND lập luận việc giải tỏa 14,5m chưa ảnh hưởng đến đất của người khởi kiện, nhưng Kết luận 702/KL-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh B xác định thực tế gia đình bà P đã phải di dời toàn bộ nhà ở, nhà quán trong phạm vi 15m - 25m từ năm 2001. Bản án sơ thẩm chỉ căn cứ vào Giấy chứng nhận sai sót do UBND cấp mà bỏ qua diện tích sử dụng thực tế là vi phạm Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định đất sử dụng ổn định, không tranh chấp thì phải được bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế.

Theo Quyết định 5458/QĐ-UBND thu hồi 774,2m^2 đất nhưng chỉ đền bù 566,7m^2 còn lại 207, m^2 không được đền bù vì cho rằng thuộc hành lang an toàn đường bộ. Điều này trái với Điều 10 Nghị định 47/2014/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 16 Nghị định 197/2004/NĐ-CP, quy định đất nằm trong hành lang an toàn khi bị thu hồi hoặc bị hạn chế khả năng sử dụng vẫn phải được bồi thường thiệt hại và bố trí tái định cư nếu phải di chuyển chỗ ở. Hơn nữa, gia đình bà P vừa bị xác định sai lệch diện tích, loại đất thu hồi, vừa bị tước bỏ quyền bồi thường về đất; trong khi tất cả các hộ dân xung quanh nằm trong diện giải tỏa đều được hưởng chính sách bồi thường về đất, là một sự bất hợp lý và không công bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và ông Trương Hữu T2, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xét kháng cáo của người khởi kiện là không có cơ sở; tại phiên tòa phúc thẩm những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện không cung cấp tài liệu chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của người khởi kiện, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc xác định người tham gia tố tụng:

Ngày 01/12/2025, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ P chết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật tố tụng hành chính: *"Trường hợp người khởi kiện là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của người đó được thừa kế thì người thừa kế tham gia tố tụng"*. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Lệ P vào tham gia tố tụng gồm các con của bà P: ông Đinh Thành H1, ông Đinh Thành H2, ông Đinh Thanh H3, bà Đinh Thị Diệp L, bà Đinh Thị Diệp L1, bà Đinh Thị Diệp T, bà Đinh Thị Diệp H4, ông Đinh Thành H5, ông Đinh Thành P1.

[1.2] Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 21/10/2024, bà Nguyễn Thị Lệ P khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh B và Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P; Buộc UBND tỉnh B và UBND huyện Đ liên đới thực hiện bồi thường cho bà P về đất số tiền 2.310.000.000 đồng, tài sản trên đất 149.701.735 đồng, chi phí hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển

đổi nghề và tìm kiếm việc làm 410.000.000 đồng, tổng cộng là: 2.869.701.735 đồng; bồi thường thiệt hại về tinh thần, công sức, thời gian khiếu nại, khởi kiện 500.000.000 đồng, là các khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành

Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT741 được Hội đồng nhân dân tỉnh B (nay là tỉnh Đồng Nai) khóa VI kỳ họp thứ hai thông qua ngày 07/7/2000. Ngày 21/8/2000, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Chỉ thị số 18/2000/CT-UB về việc triển khai thực hiện dự án, giao Ban quản lý dự án ĐT741 làm chủ đầu tư, chịu trách nhiệm đôn đốc các đơn vị tư vấn các ngành có liên quan thực hiện việc thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán; giao UBND huyện Đ thành lập Ban giải phóng mặt bằng đường ĐT741 (thuộc địa phận Đ quản lý); Giao Sở tài chính - vật giá chủ trì phối hợp với các ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh chính sách bồi thường. Ngày 24/9/2001, UBND tỉnh B ban hành Quyết định 2218/QĐ-UB giao chủ đầu tư từ Sở Giao thông vận tải và Sở xây dựng sang Công ty X.

Theo thiết kế ban đầu được phê duyệt tại Quyết định số 2496/QĐ-UBND ngày 3/10/2000 của UBND tỉnh đoạn qua ấp B xã T huyện Đ (khu vực 7 hộ dân trong đó có hộ ông Đinh Viết C là chồng của bà Nguyễn Thị Lệ P) được phê duyệt nắn tuyến. Ban giải phóng mặt bằng huyện Đ đã thực hiện đo đạc bản đồ giải thửa, kiểm kê áp giá bồi thường cho các hộ, tuy nhiên do vướng mắc một số hộ không giải phóng mặt bằng được nên UBND tỉnh đã điều chỉnh không nắn tuyến tại Quyết định 2410/QĐ-UBND ngày 18/11/2005. Một số hộ dân chấp hành chủ trương tự tháo dỡ nhà khi chuyển đường từ nắn tuyến sang không nắn tuyến nên các hộ không được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ di dời 30% giá trị nhà bị ảnh hưởng với số tiền 10.495.800 đồng, ông Đinh Viết C đã nhận tiền hỗ trợ, thực tế diện tích đất không bị thu hồi.

Năm 2018, Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT741 tiếp tục nâng cấp, mở rộng thêm 3,5m đường nhựa, gia đình bà P ngăn cản không cho thi công và phát sinh khiếu nại gửi UBND tỉnh B.

Ngày 29/7/2019, UBND tỉnh B có Công văn số 2165/UBND-TD giao Chủ tịch UBND huyện Đ giải quyết đơn của các hộ dân T, trong đó có bà Nguyễn Thị Lệ P. Ngày 22/8/2019, UBND huyện Đ ban hành Công văn số 1886/UBD-TCD trả lời đơn của bà Nguyễn Thị Lệ P. Không đồng ý kết quả trả lời của Chủ tịch

UBND huyện Đ, bà P tiếp tục gửi đơn đến UBND tỉnh B. Ngày 30/10/2019, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Công văn số 3189/UBND-TD giao Chủ tịch UBND huyện Đ xem xét giải quyết khiếu nại lần đầu đối với các hộ dân. Ngày 22/4/2020, UBND huyện Đ ban hành Công văn số 944/UBND-TCD trả lời đơn bà Nguyễn Thị Lệ P. Không đồng ý, bà P tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh B. Ngày 09/9/2020, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2229/QĐ-UBND về việc thành lập Đoàn kiểm tra. Ngày 11/12/2020, UBND tỉnh B ban hành Kết luận số 702/KL-UBND về việc kiểm tra, rà soát quá trình cấp, cấp đổi Giấy CNQSD đất và bồi thường cho 07 hộ dân, ngụ tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước khi thực hiện Dự án mở rộng đường ĐT 741, trong đó có nội dung: "Cấp đổi Giấy CNQSDĐ với diện tích 248,2m² (có 202m² đất thổ cư, 46,2m² là đất nông nghiệp) hiện bà P đang sử dụng nằm ngoài phạm vị giải tỏa 14,5m tính từ tim đường. Công nhận nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường cho bà Nguyễn Thị Lệ P 70% giá trị nhà, 100% giá trị tài sản khác và cây trồng của biên bản kiểm kê năm 2001 theo quy định".

Ngày 13/10/2022, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5458/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước theo Kết luận số 702/KL-UBND của UBND tỉnh B. Theo đó, bà Nguyễn Thị Lệ P bị thu hồi 146,7m² và được hỗ trợ tổng số tiền là 149.701.735 đồng (trong đó: bồi thường về nhà, vật kiến trúc là 144.733.735đ, bồi thường cây trồng là 4.986.000 đồng), nhưng không bồi thường về đất.

Không đồng ý, bà P tiếp tục khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước (cũ) ban hành Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P (Lần đầu) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (cũ) bàn hành Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P (Lần hai).

Xét việc thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và giải quyết khiếu nại đối với bà Nguyễn Thị Lệ P là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai và Luật khiếu nại.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Về nguồn gốc và quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tháng 10/1991, ông Đinh Viết C (chồng của bà Nguyễn Thị Lệ P) nhận sang nhượng của bà Nguyễn Thị V 01 thửa đất với tổng diện tích là 436m² bằng giấy tay. Ngày 21/6/1996, ông Đinh Viết C có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất trên. Ngày 18/10/1996, hộ ông Đinh Viết C được UBND huyện Đ, tỉnh Sông Bé (cũ) cấp GCN số 211/QSDĐ/Tân Lập (cấp theo dạng đo vẽ độc lập, không có số tờ, số thửa): Diện tích cấp giấy chứng nhận là 134 m², mục đích sử dụng: Đất thổ cư *(Hành lang bảo vệ đường bộ thể hiện 20m từ mép đường ĐT.741)*. Ngày 24/12/1998, hộ ông Đinh Viết C được UBND huyện Đ cấp

đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00179/QSDD/559/QĐ-UB (H): Thửa số 7 Tờ bản đồ số 21, diện tích cấp giấy chứng nhận là 29m², mục đích sử dụng: Đất ở *(Hành lang bảo vệ đường bộ thể hiện 30m từ tim đường ĐT.741)*. Ngày 06/4/2006, ông C chết, hộ bà Nguyễn Thị Lệ Phòng P được UBND huyện Đ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số (H) 2517/QSDĐ/742/QĐ-UBND: Thửa số 7 Tờ bản đồ số 21, diện tích cấp giấy chứng nhận là 29m², mục đích sử dụng: Đất ở *(Hành lang bảo vệ đường bộ thể hiện 30m từ tim đường ĐT.741)*. Ngày 26/3/2007, hộ bà Nguyễn Thị Lệ P được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số (H) 2760/QSDD/709/QĐ-UBND: Thửa số 7 Tờ bản đồ số 21, diện tích cấp giấy chứng nhận là: 202m², mục đích sử dụng: Đất ở và 46,2m² mục đích sử dụng: đất nông nghiệp, trong đó có 166m² đất nằm trong HLLG (*Hành lang bảo vệ đường bộ theo Quyết định số 110/QĐUB ngày 22/11/2004 của UBND tỉnh thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 2007: Giải tỏa trắng 16m tính từ tim đường ĐT.741, hành lang lộ giới đã cấp giấy năm 1996: 23m tính từ tim đường ĐT.741, hành lang lộ giới tính từ tim đường ĐT.741: 30m)*.

[2.2.2] Về quá trình thu hồi, bồi thường về đất

Căn cứ Điều 6 Quyết định số 51/QĐ-UB ngày 11/02/1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh S (cũ) về việc ban hành quy định bảo vệ đường bộ, trong đó quy định hành lang an toàn bảo vệ đường ĐT741 là 15m tính từ tim đường (10m tính từ mép đường, phạm vì giải tỏa là 5m). Hộ ông Đinh Viết C (chồng bà P) nhận chuyển nhượng thửa đất của bà Nguyễn Thị V tháng 10/1991, với tổng diện tích là 436m² bằng giấy tay (nguồn gốc thể hiện trong Biên bản kiểm kê hiện trạng có xác nhận của UBND xã T ngày 10/8/2001) là sau thời điểm quy định hành lang bảo vệ đường bộ đối với đường ĐT741 (15m tính từ tim đường).

Qua các lần nâng cấp, mở rộng đường ĐT741 tim đường đoạn qua nhà bà Nguyễn Thị Lệ Phòng K thay đổi. Đến thời điểm hiện tại nhà nước chỉ giải tỏa phạm vi 14,5m tính từ tim đường theo đúng Điều 6 Quyết định số 51/QĐ-UB ngày 11/02/1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh S (cũ) nêu trên nên thửa đất được quyền sử dụng hợp pháp của hộ bà P chưa bị ảnh hưởng nên không được bồi thường về đất. Trong trường hợp Nhà nước tiếp tục thu hồi mở rộng đường DT741 ra ngoài phạm vi 15m tính từ tim đường, thì mặc dù đất bị thu hồi thuộc hành lang lộ giới 30m tính từ tim đường, Nhà nước vẫn phải bồi thường về đất cho hộ bà Nguyễn Thị Lệ P vì diện tích đất này gia đình bà P nhận chuyển nhượng sau thời gian công bố lộ giới 15m nhưng trước thời gian công bố lộ giới 30m.

- Về hồ sơ thu hồi đất và chi trả bồi thường thời điểm năm 2001-2005:

Ngày 24/7/2001, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ lập biên bản kiểm kê hiện trạng (Biên bản số 41/2001/BBKK), nội dung biên bản thể hiện: Tên người có tài sản: Đinh Viết C; sơ đồ thể hiện phạm vi diện tích đất 10m từ tim đường không có công trình xây dựng; phạm vi đất từ 10m đến 15m tính từ tim đường có nhà sửa xe (3,2m x 3,1m); phạm vi đất từ 15m đến 25m có nhà quán, nhà ở. Ngày

17/4/2005, UBND huyện ban hành Quyết định số 814/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho 05 hộ dân thuộc công trình: Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.741, đoạn từ ranh giới tỉnh Bình Dương đến Trường thuộc địa bàn xã T; trong đó, gia đình ông Đinh Viết C được hỗ trợ với số tiền 10.495.800 đồng (hỗ trợ di dời 30% giá trị nhà và công trình phụ), ông Đinh Viết C đã ký nhận tiền hỗ trợ; tại Kết luận số 702/KL-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh: Công nhận yêu cầu bồi thường cho bà P thêm 70% giá trị nhà, 100% giá trị tái sản khác và cây trồng theo Biên bản kiểm kê năm 2001 theo quy định.

- Hồ sơ bồi thường, hỗ trợ sau khi có Kết luận số 702/KL-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh:

Ngày 13/10/2022, UBND huyện ban hành Quyết định số 5458/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân theo Kết luận số 702/KL-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh, thuộc xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; số tiền hộ bà Nguyễn Thị Lê P2 được phê duyệt là 149.701.735 đồng (bồi thường giá trị công trình theo Kết luận số 702/KL- UBND của UBND tỉnh: Giá trị bồi thường nhà, công trình tính 70% theo Biên bản kiểm kê năm 2001 là: 108.181.360 đồng; giá trị bồi thường tài sản khác tỉnh 100% là: 1.300.000 đồng; giá trị bồi thường cây trồng: 4.968.000 đồng và phần giá trị xác định theo Biên bản kiểm kê ngày 11/5/2022 là: 35.252.375 đồng); đồng thời, ban hành Quyết định số 5457/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Lệ P để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.741 đoạn B - Đ.

Như vậy, diện tích bà P hiện nay đang sử dụng là 260,5m²; trong đó: Diện tích đủ điều kiện để cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất (ngoài phạm vi 14,5m tính từ tìm đường) là 248,2m² (có 202m² đất ở và 46,2m² đất nông nghiệp); diện tích đất nằm trong phạm vi giải tỏa (14,5m) chưa bàn giao mặt bằng: 12,3m² (phần diện tích này ngoài giấy chứng nhận đã được cấp đổi năm 2007). Do đó, bà Nguyễn Thị Lệ P khởi kiện yêu cầu được bồi thường về đất là không có cơ sở để chấp nhận.

- Về yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống, đào tạo chuyển đổi nghề với số tiền 410.000.000 đồng.

Như đã phân tích ở trên, phần diện tích đất giải tỏa thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT.741 đoạn B - Đ thời điểm năm 2001 và thời điểm năm 2022 đều nằm trong phạm vi hành lang lộ giới giao thông 14,5m tính từ tim đường, không nằm trong Giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho bà P. Do đó, bà Phòng K thuộc đối tượng, điều kiện để xem xét hỗ trợ ổn định đời sống, đào tạo chuyển đổi nghề theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 19, 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 19, 20 Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 (được sửa đổi tại khoản 14, 15 Điều 1 Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 07/12/2020) của UBND tỉnh B (cũ).

- Về yêu cầu buộc UBND tỉnh B và UBND huyện Đ bồi thường thiệt hại

về tinh thần, công sức, thời gian khiếu nại, khởi kiện: 500.000.000 đồng là không có cơ sở;

Xét thấy, sau khi có Kết luận số 702/KL-UBND của UBND tỉnh B (cũ), UBND huyện Đ (cũ) đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về giá trị tài sản của gia đình bà P đã di dời năm 2001 chưa được hỗ trợ hết; theo đó: Giá trị bồi thường, hỗ trợ đã được xác định là 149.701.735 đồng. Tuy nhiên, bà Phòng K đồng ý nhận tiền bồi thường, tiếp tục có đơn khiếu nại, khởi kiện. Như vậy các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, bồi thường khi thu hồi đất đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật; không có căn cứ xác định phát sinh trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 584 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[2.2.3] Về nội dung của các quyết định giải quyết khiếu nại

Như đã phân tích ở trên, các yêu cầu khiếu nại của bà P không có cơ sở để chấp nhận nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước (cũ) ban hành Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P (Lần đầu) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (cũ) bàn hành Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P (Lần hai), là phù hợp với các quy đinh pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ P, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ P phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên, bà P là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền lệ phí, án phí phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét miễn miễn án phí cho bà P theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lệ P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ P về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Chủ tịch

UBND tỉnh B (cũ) về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P (Lần hai).

- Hủy Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đ (cũ) về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Lệ P (Lần đầu).

- Buộc UBND tỉnh B (cũ) và UBND huyện Đ (cũ) và liên đới thực hiện bồi thường về đất là 2.310.000.000 đồng, tài sản trên đất là 149.701.735 đồng, chi phí hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 410.000.000 đồng, tổng cộng là: 2.869.701.735 đồng.

- Buộc UBND tỉnh B (cũ) và UBND huyện Đ (cũ) phải bồi thường thiệt hại về tinh thần, công sức, thời gian khiếu nại, khởi kiện là 500.000.000 đồng.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Lệ P được miễn.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công **Đặng Văn Ý** **Trần Thị Hòa Hiệp**